

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,

Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-31
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-31



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2010
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/07/2010
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	
Ông Lê Quốc Sừ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/03/2010

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hùng	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Đỗ Văn Hợi	Quyền Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/01/2011
Ông Đào Đức Toàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Bà Lê Thị Xuân	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồ Quảng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2010

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		527.828.623.459	430.202.033.825
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.789.383.956	6.411.497.828
111	1. Tiền		16.789.383.956	6.411.497.828
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	1.748.460.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2.060.590.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(312.130.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.725.734.928	153.986.975.022
131	1. Phải thu của khách hàng		64.970.302.857	150.643.008.124
132	2. Trả trước cho người bán		3.386.279.287	3.303.514.204
135	5. Các khoản phải thu khác	5	13.536.283.922	40.452.694
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167.131.138)	-
140	IV. Hàng tồn kho		400.983.093.282	262.172.942.667
141	1. Hàng tồn kho	6	400.983.093.282	262.172.942.667
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.581.951.293	7.630.618.308
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		420.473.700	125.571.486
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.990.434.929	7.413.791.301
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1.171.042.664	91.255.521
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		119.152.887.067	90.714.786.605
220	II. Tài sản cố định		104.177.401.895	74.704.679.803
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	58.385.543.719	52.513.836.063
222	- Nguyên giá		84.310.063.675	71.833.978.906
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.924.519.956)	(19.320.142.843)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.171.688.647	9.174.188.643
228	- Nguyên giá		9.189.063.636	9.189.063.636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.374.989)	(14.874.993)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	36.620.169.529	13.016.655.097
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	-	10.484.817.421
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	10.484.817.421
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.975.485.172	5.525.289.381
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	13.944.589.068	4.501.480.900
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2	1.030.896.104	1.023.808.481
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		646.981.510.526	520.916.820.430

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		314.238.496.965	353.339.967.504
310	I. Nợ ngắn hạn		314.027.101.127	353.137.671.666
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	260.978.987.810	183.750.828.155
312	2. Phải trả người bán		37.508.261.923	148.526.946.374
313	3. Người mua trả tiền trước		(2.913.309.163)	3.768.953.714
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.186.857.365	12.391.021.171
315	5. Phải trả người lao động		1.567.505.690	914.674.513
316	6. Chi phí phải trả	15	1.727.979.439	1.537.804.785
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	48.790.925	57.654.321
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.922.027.138	2.189.788.633
330	II. Nợ dài hạn		211.395.838	202.295.838
333	3. Phải trả dài hạn khác		178.770.306	169.670.306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		32.625.532	32.625.532
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		322.172.539.072	167.576.852.926
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	322.172.539.072	167.576.852.926
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199.999.930.000	110.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78.067.482.550	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		(12.110.636.000)	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.878.634.209	373.063.235
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		17.009.247.915	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		14.578.260.521	9.791.849.734
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.749.619.877	47.411.939.957
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		10.570.474.489	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		646.981.510.526	520.916.820.430

CH
HỢP PH
TƯ V
HỢP KẾ
KIỂM T
ANK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		99.862,62	8.332,83



Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc


Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.550.816.687.580	888.324.257.569
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.550.816.687.580	888.324.257.569
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.457.013.746.790	814.628.670.844
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.802.940.790	73.695.586.725
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.765.369.693	16.279.892.640
22	7. Chi phí tài chính	21	26.250.452.695	22.722.882.733
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		20.398.324.097	10.035.452.851
24	8. Chi phí bán hàng	22	2.937.042.844	2.028.331.781
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	11.068.969.812	8.421.376.178
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		56.311.845.132	56.802.888.673
31	11. Thu nhập khác		406.219.404	1.512.099.669
32	12. Chi phí khác		1.754.710.754	1.011.177.368
40	13. Lợi nhuận khác		(1.348.491.350)	500.922.301
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		-	(15.182.579)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.963.353.782	57.288.628.395
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	12.785.981.447	9.843.664.788
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	(7.087.623)	(419.144.263)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.184.459.958	47.864.107.870
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		85.657.068	-
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>42.098.802.890</u>	<u>47.864.107.870</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.744	4.351


Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		54.963.353.782	57.288.628.395
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		6.974.589.291	5.361.302.177
03	Các khoản dự phòng		479.261.138	(3.361.653.244)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.460.382.936)	(280.713.525)
06	Chi phí lãi vay		20.398.324.097	10.035.452.851
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		81.355.145.372	69.043.016.654
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		63.437.678.185	(146.167.483.720)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(138.810.150.615)	(194.179.387.657)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(116.173.959.129)	128.164.778.098
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.738.010.382)	(1.461.073.905)
13	Tiền lãi vay đã trả		(20.646.686.069)	(8.694.197.738)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.954.704.274)	(5.991.394.310)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.311.223.433	3.323.375.464
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.357.342.224)	(12.122.279.813)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(156.576.805.703)	(168.084.646.927)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.032.729.513)	(9.199.629.583)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		236.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(41.490.590.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		37.430.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(26.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	22.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.460.382.936	15.280.713.525
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(36.396.936.577)	1.581.083.942
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		176.828.884.500	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(12.110.636.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		546.936.171.827	422.286.452.334
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(467.406.130.558)	(264.347.652.785)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.885.493.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		213.362.796.769	157.938.799.549

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.389.054.489	(8.564.763.436)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		6.411.497.828	14.974.159.963
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(11.168.361)	2.101.301
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>26.789.383.956</u>	<u>6.411.497.828</u>




Trương Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Đào Đức Toàn
Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 199.999.930.000 VND (Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng). Tương đương 19.999.993 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

353 - 2
CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ
TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN
KIỂM TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 06 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |



Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

1353
CÔNG TY
HÀNG HẢI
LIÊN TƯ VÀ
NH KẾ T
KIỂM TOÁN
KIỂM - T

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá" trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.



Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 09/UĐĐT-UB ngày 05/03/2004, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	261.981.103	256.458.000
Tiền gửi ngân hàng	16.527.402.853	5.755.039.828
Tiền đang chuyển	-	400.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn)	10.000.000.000	-
	26.789.383.956	6.411.497.828

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2.060.590.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(312.130.000)	-
	1.748.460.000	-

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu lãi cho vay vốn	1.017.133.334	-
Phải thu vốn cho vay không lãi	12.500.000.000	-
Các khoản phải thu khác	19.150.588	40.452.694
	13.536.283.922	40.452.694

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	278.748.404.900	161.608.601.079
Công cụ, dụng cụ	-	51.952.748
Thành phẩm	20.789.378.194	15.689.054.565
Hàng hoá	101.445.310.188	84.823.334.275
	400.983.093.282	262.172.942.667

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	1.161.042.664	81.255.521
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.000.000	10.000.000
	1.171.042.664	91.255.521

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	20.319.009.975	35.651.882.311	15.719.651.292	143.435.328	-	71.833.978.906					
Số tăng trong năm	8.305.774.410	2.391.492.657	2.248.780.633	82.168.636	-	13.028.216.336					
- Mua sắm mới	-	39.750.000	2.248.780.633	17.727.273	-	2.306.257.906					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.305.774.410	-	-	-	-	8.305.774.410					
- Tăng khác	-	2.351.742.657	-	64.441.363	-	2.416.184.020					
Số giảm trong năm	-	(131.940.476)	(420.191.091)	-	-	(552.131.567)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(131.940.476)	(420.191.091)	-	-	(552.131.567)					
Số dư cuối năm	28.624.784.385	37.911.434.492	17.548.240.834	225.603.964	-	84.310.063.675					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	5.516.481.421	10.946.954.397	2.743.468.187	113.238.838	-	19.320.142.843					
Số tăng trong năm	1.794.672.586	3.664.052.769	1.482.617.882	30.746.058	-	6.972.089.295					
- Trích khấu hao	1.794.672.586	3.448.570.174	1.482.617.882	21.974.098	-	6.747.834.740					
- Tăng khác	-	215.482.595	-	8.771.960	-	224.254.555					
Số giảm trong năm	-	(80.541.991)	(287.170.191)	-	-	(367.712.182)					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(80.541.991)	(287.170.191)	-	-	(367.712.182)					
Số dư cuối năm	7.311.154.007	14.530.465.175	3.938.915.878	143.984.896	-	25.924.519.956					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Đầu năm	14.802.528.554	24.704.927.914	12.976.183.105	30.196.490	-	52.513.836.063					
Cuối năm	21.313.630.378	23.380.969.317	13.609.324.956	81.619.068	-	58.385.543.719					



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	9.168.563.636	20.500.000	9.189.063.636
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	9.168.563.636	20.500.000	9.189.063.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	14.874.993	14.874.993
Số tăng trong năm	-	2.499.996	2.499.996
- Trích khấu hao	-	2.499.996	2.499.996
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	17.374.989	17.374.989
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Đầu năm	9.168.563.636	5.625.007	9.174.188.643
Cuối năm	9.168.563.636	3.125.011	9.171.688.647

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	11.634.622.774	12.914.769.383
- Công trình Đèn Lừ	4.526.696.703	4.526.696.703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20.000.000	20.000.000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200.000.000	-
- Nhà xưởng 5 - Hưng Yên	62.298.270	8.368.072.680
- Nhà trưng bày sản phẩm - Hưng Yên	47.272.728	-
- Xây dựng nhà xưởng 1 - Hải Phòng	2.745.971.875	-
- Xây dựng nhà xưởng 2 - Hải Phòng	4.032.383.198	-
Mua sắm tài sản cố định	24.410.781.846	101.885.714
- Máy ép tấm nhựa bọc nhôm	4.067.140.000	-
- Máy ép tấm nhựa PC	4.748.240.000	-
- Máy cắt xà tôn	9.059.607.981	-
- Máy cắt xén tôn	6.535.793.865	-
- Tài sản khác	-	101.885.714
Sửa chữa lớn tài sản cố định	574.764.909	-
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	574.764.909	-
	36.620.169.529	13.016.655.097

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	10.484.817.421
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng (*)	-	10.484.817.421
	-	10.484.817.421

(*)Trên Báo cáo tài chính năm 2009, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng được trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Năm 2010, do thay đổi cơ cấu vốn trong Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng, vì vậy khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư vào công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình (*)	1.935.109.093	2.159.245.793
Giá trị quyền thuê đất góp vốn	10.500.000.000	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.408.312.367	2.158.071.532
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	43.107.563	91.652.775
Chi phí trả trước dài hạn khác	58.060.045	92.510.800
	13.944.589.068	4.501.480.900

(*) Đây là các khoản chi phí như: chi phí san nền, chi phí đền bù đất đai, hoa màu và các khoản chi phí khác mà Công ty đã chi ra để có mặt bằng xây dựng nhà máy trên đất thuê của Nhà nước. Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo số năm thuê đất.

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	260.978.987.810	183.750.828.155
- Vay ngân hàng	259.869.618.612	179.075.504.397
- Vay tổ chức khác	-	4.500.000.000
- Vay cá nhân	1.109.369.198	175.323.758
	260.978.987.810	183.750.828.155

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	-	7.315.792.940
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	28.307.113.700	40.532.971.903
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hưng Yên ⁽²⁾	70.765.775.570	54.278.132.230
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên ⁽³⁾	25.576.970.169	1.382.746.612
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁴⁾	85.824.440.993	75.565.860.712
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁵⁾	49.395.318.180	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Lên	-	4.500.000.000
Vay cá nhân	1.108.186.218	174.269.095
Vay công đoàn Công ty	1.182.980	1.054.663
	260.978.987.810	183.750.828.155

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0817000002 ngày 18/06/2008, thỏa thuận bổ sung số 03, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/03/2011;
 - + Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay theo từng lần nhận tiền vay và được quy định trên từng giấy nhận nợ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản là máy móc, thiết bị, hàng tồn kho hình thành từ vốn vay và tài sản đảm bảo của bên thứ 3.
- (2) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số LD1015300007 ngày 02/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 90 tỷ đồng bao gồm cả số dư nợ vay (nếu có) của hợp đồng tín dụng hạn mức số LD0835100009 ngày 16/12/2008 và các sửa đổi bổ sung;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn vay được quy định trong từng giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay được xác định cho từng lần nhận tiền vay theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản bảo đảm là toàn bộ hệ thống nhà xưởng, nhà văn phòng, kho bãi, đường nội bộ, các công trình phụ, ... và các tài sản hình thành từ vốn vay.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 10.0204/VCB.HY ngày 16/11/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 30 tỷ đồng, được tính chung cho tổng dư nợ ngắn hạn, cam kết cho vay ngắn hạn nhưng chưa nhận nợ bằng VNĐ và ngoại tệ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09.0206/VCB.HY ngày 21/10/2009)
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ);
 - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, trả lãi hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản đảm bảo là tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 08.0058/TC-NHNT.HY ngày 23/12/2008 và Hợp đồng thế chấp số 08.0059/TN-NHNT.HY ngày 23/12/2008.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (4) Hợp đồng tín dụng số HM-10/PT-HM ngày 19/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/07/2010;
 - + Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay đối với VND áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,0%/ năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ thu lãi đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/1 lần.
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Áp dụng biện pháp bổ sung, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 3 dãy A Mai Động, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến với giá trị tài sản bảo đảm hiện tại là 7.069.700.000 VND.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01.HM-10/PTHY-HM ngày 25/06/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2010;
 - + Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/05/2011, thời hạn vay của mỗi khế ước nhận nợ tối đa không quá 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND có kỳ hạn 6 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,2%/năm. Lãi suất kỳ đầu tiên là 13,5%/năm.
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có bảo đảm bằng tài sản. Áp dụng biện pháp bổ sung một phần tài sản thế chấp là 01 sổ tiết kiệm của bên thứ ba giá trị 500.000 USD.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.339.838	8.186.839
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	425.634.479	2.087.763.902
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.121.498.273	10.290.221.100
Thuế Thu nhập cá nhân	636.384.775	4.849.330
	9.186.857.365	12.391.021.171

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	478.780.095	-
Trích trước chi phí lãi vay	1.208.066.859	1.456.428.831
Trích trước chi phí phải trả khác	41.132.485	81.375.954
	<u><u>1.727.979.439</u></u>	<u><u>1.537.804.785</u></u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.973.513	7.897.692
Bảo hiểm xã hội	62.824	10.408.500
Bảo hiểm y tế	244.040	9.451
Phải trả, phải nộp khác	34.510.548	39.338.678
	<u><u>48.790.925</u></u>	<u><u>57.654.321</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000		-		-		-		-		9.791.849.734		-		119.791.849.734	
Lãi/lỗ trong năm trước	-		-		-		-		-		-		47.864.107.870		47.864.107.870	
Chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-		-		-		373.063.235		-		-		-		373.063.235	
Giảm khác	-		-		-		-		-		-		(452.167.913)		(452.167.913)	
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000		-		-		373.063.235		-		9.791.849.734		47.411.939.957		167.576.852.926	
Tăng vốn trong năm nay (*)	89.999.930.000		78.067.482.550		-		-		-		-		-		168.067.412.550	
Lãi/lỗ trong năm nay	-		-		-		-		-		-		42.098.802.890		42.098.802.890	
Phân phối lợi nhuận năm trước	-		-		-		-		17.009.247.915		4.786.410.787		(25.864.107.870)		(4.068.449.168)	
Chi trả cổ tức năm trước	-		-		-		-		-		-		(21.999.930.000)		(21.999.930.000)	
Tạm ứng cổ tức năm nay	-		-		-		-		-		-		(19.885.493.000)		(19.885.493.000)	
Mua cổ phiếu quỹ	-		-		-		(12.110.636.000)		-		-		-		(12.110.636.000)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-		-		-		-		-		-		-		(373.063.235)	
Chênh lệch tỷ giá cuối năm nay	-		-		-		2.878.634.209		-		-		-		2.878.634.209	
Thuế TNDN năm trước truy thu	-		-		-		-		-		-		(11.592.100)		(11.592.100)	
Số dư cuối năm nay	199.999.930.000		78.067.482.550		(12.110.636.000)		2.878.634.209		17.009.247.915		14.578.260.521		21.749.619.877		322.172.539.072	

(*) Tăng vốn trong năm theo Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty. Theo đó, phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10% là 1.100.000 cổ phiếu, chào bán cho cổ đông hiện hữu là 2.680.697 cổ phiếu với giá chào bán là 20.000 đồng/cổ phiếu và chào bán cho đối tác chiến lược là 5.219.303 cổ phiếu với giá chào bán là 21.500 đồng/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199.999.930.000	110.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>110.000.000.000</i>	<i>110.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>89.999.930.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>199.999.930.000</i>	<i>110.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	41.885.423.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước ⁽¹⁾</i>	<i>21.999.930.000</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay ⁽²⁾</i>	<i>19.885.493.000</i>	-

(1) Theo Nghị quyết số 240/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2009 của Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT/2010 ngày 26/04/2010 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố chi trả cổ tức năm 2009 như sau: phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và chi trả bằng tiền mặt là 10% vốn điều lệ.

(2) Theo Nghị quyết số 182/HĐQT-PHT ngày 23/09/2010 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền mặt là 10% vốn điều lệ.

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.993	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.999.993	11.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.999.993</i>	<i>11.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	870.260	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>870.260</i>	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.129.733	11.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.129.733</i>	<i>11.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.009.247.915	-
Quỹ dự phòng tài chính	14.578.260.521	9.791.849.734
	31.587.508.436	9.791.849.734

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.547.420.346.941	886.919.373.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.396.340.639	1.404.884.143
	1.550.816.687.580	888.324.257.569

CÔNG TY
 CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN
 CHỨC VỤ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
 VÀ KIỂM TOÁN
 HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.456.024.855.126	818.105.853.303
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	988.891.664	179.944.175
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.657.126.634)
	1.457.013.746.790	814.628.670.844

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.394.382.936	280.713.525
Lãi đầu tư cổ phiếu	66.000.000	15.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	711.995.183	980.543.615
Doanh thu hoạt động tài chính khác	592.991.574	18.635.500
	2.765.369.693	16.279.892.640

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.398.324.097	10.035.452.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.984.403.226	11.604.111.261
Dự phòng các khoản đầu tư	312.130.000	-
Chi phí tài chính khác	1.555.595.372	1.083.318.621
	26.250.452.695	22.722.882.733

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	87.093.797	87.591.076
Chi phí nhân công	1.298.177.901	667.087.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.213.133.337	1.050.307.044
Chi phí khác bằng tiền	338.637.809	223.346.209
	2.937.042.844	2.028.331.781



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.423.261.437	900.381.630
Chi phí nhân công	5.556.448.537	3.476.325.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.603.594.277	1.247.391.569
Thuế, phí, lệ phí	214.531.998	43.225.000
Chi phí dự phòng	167.131.138	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.143.007.379	1.215.466.877
Chi phí khác bằng tiền	960.995.046	1.538.585.615
	11.068.969.812	8.421.376.178

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.192.067.103	59.239.529.834
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(44.694.364.860)	2.164.684.681
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	2.505.997.966	2.164.684.681
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(47.200.362.826)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	57.497.702.243	61.404.214.515
Chuyển lỗ năm trước	(30.365.157)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	57.467.337.086	61.404.214.515
- Lợi nhuận được hưởng ưu đãi thuế (*)	12.646.822.604	10.309.402.885
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	44.820.514.482	51.094.811.630
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.785.981.447	14.062.378.268
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(4.218.713.480)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.785.981.447	9.843.664.788
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	446.556.312
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	10.290.221.100	5.991.394.310
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.954.704.274)	(5.991.394.310)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	8.121.498.273	10.290.221.100

(*) Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi đầu tư số 09/ƯĐĐT-UB ngày 05/03/2004, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đầu tiên (Công ty con có thu nhập chịu thuế từ năm 2007) và chỉ được ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀNLô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.030.896.104	1.023.808.481
	<u>1.030.896.104</u>	<u>1.023.808.481</u>
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(7.087.623)	(419.144.263)
	<u>(7.087.623)</u>	<u>(419.144.263)</u>

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	42.098.802.890	47.864.107.870
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.098.802.890	47.864.107.870
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.344.354	11.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.744</u>	<u>4.351</u>

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KÊ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập theo phương pháp trực tiếp, do mục đích quản trị nên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010 được lập theo phương pháp gián tiếp, vì vậy Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 1/1/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu.

	Mã số	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		bày lại	báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	353.137.671.666	350.947.883.033
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.189.788.633	-
Vốn chủ sở hữu	400	167.576.852.926	169.766.641.559



Trương Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng



Đào Đức Toàn
 Phó Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2011

